

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN NGỮ VĂN (CHUYÊN)

PHÒNG 10

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	H V 0003	Lê Đỗ Thùy	An	17/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.0	Ngữ Văn	8.3	4.750	
2	B V 0005	Lê Triệu Bảo	An	25/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Lịch sử	7.8	Ngữ văn	7.5	2.500	
3	A V 0012	Nguyễn Thị Phước	An	09/02/2010	Nữ	Kinh	Nghệ An	Trần Phú, Chư Pưh	T	T	T	K	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.6	Ngữ văn	8.0	3.250	
4	S V 0013	Phạm Nguyễn Thu	An	13/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.7	Ngữ văn	8.2	3.750	
5	V K 0014	Phạm Thị Thùy	An	25/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0			4.500	
6	V B 0016	Trần Châu	An	14/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Lịch sử	9.4	5.500	Nhì Lịch sử
7	V K 0019	Trần Minh	An	25/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.4			0.000	
8	A V 0021	Trần Nguyễn Bình	An	15/05/2010	Nữ	Kinh	Phú Yên	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	8.4	3.000	
9	V C 0022	Trương Tú	An	13/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.6	Tin học	8.7	5.750	
10	V K 0024	Bùi Nguyễn Mai	Anh	29/03/2010	Nữ	Kinh	TP. TP. Hồ Chí Minh	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.5			7.750	
11	V D 0028	Hoàng Nhật	Anh	19/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	K	T	K	T	Ngữ văn	8.8	Địa lí	9.0	5.500	
12	A V 0029	Hoàng Phương	Anh	24/12/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Ngữ văn	8.8	6.250	Nhì Tiếng Anh
13	D V 0031	Lê Minh	Anh	19/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	8.4	Ngữ văn	8.0	5.500	
14	V K 0033	Lê Quỳnh	Anh	12/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8			6.000	
15	V C 0034	Lê Thị Hoài	Anh	24/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.4	Tin học	9.3	7.250	
16	V K 0035	Ngô Hoàng Đan	Anh	16/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.9			8.250	
17	V K 0037	Nguyễn Hà	Anh	02/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.2			4.750	
18	V K 0042	Nguyễn Mỹ	Anh	11/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.9			8.000	
19	D V 0046	Nguyễn Quỳnh	Anh	07/03/2010	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	Chu Văn An, Iagrai	K	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	8.6	Ngữ văn	8.7	4.000	
20	A V 0047	Nguyễn Thị Hồng	Anh	20/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Ngữ văn	9.1	6.750	
21	V K 0050	Nguyễn Trương Hoàng	Anh	09/05/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	APC, Gia Lai	K	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.6			6.500	
22	V D 0054	Phan Nguyễn Ngọc	Anh	11/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.4	Địa lí	9.1	5.750	
23	V B 0056	Trần Cao Vân	Anh	26/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Lịch sử	8.7	4.250	
24	V K 0058	Trần Hoàng	Anh	17/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An, Mang Yang	K	T	K	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.6			5.500	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Khánh Tô Trần Khanh
Nguyễn Hồng Vỹ
Leke Nguyễn Quang Hà
Đức Phan Xuân Loan

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

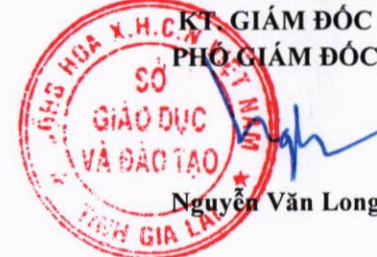
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN NGỮ VĂN (CHUYÊN)

PHÒNG 11

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	V B 0060	Trần Lê Dương	Anh	16/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Ngữ văn	8.0	Lịch sử	8.3	6.500	
2	V A 0064	Trần Phạm Quỳnh	Anh	06/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.7	Tiếng Anh	9.4	7.750	
3	A V 0069	Võ Huỳnh Diệu	Anh	04/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	8.0	5.500	
4	V D 0073	Vũ Quỳnh	Anh	15/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.4	Địa lí	9.1	7.250	
5	V K 0078	Vũ Hoàng Ngọc	Anh	20/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Ngữ văn	7.4			6.250	
6	V K 0082	Nguyễn Hải	Ấu	20/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	K	T	Ngữ văn	7.4			7.500	
7	S V 0094	Nguyễn Vương Gia	Bảo	01/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	9.1	Ngữ văn	8.4	7.500	
8	S V 0103	Hồ Như	Bích	03/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	9.1	Ngữ văn	8.4	5.500	
9	V K 0107	Kiều Nguyên	Cao	30/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.6			7.750	
10	A V 0108	Nguyễn Phan Ái	Chân	24/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.6	Ngữ văn	7.7	6.250	
11	V K 0110	Đặng Thị Minh	Châu	02/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1			8.250	Nhi Ngữ văn
12	A V 0116	Nguyễn Bảo	Châu	26/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	8.8	6.500	
13	A V 0119	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	28/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	9.0	Ngữ văn	7.4	5.750	
14	A V 0120	Nguyễn Thị Bảo	Châu	15/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An, Chư Prông	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	8.5	4.750	KK Tiếng Anh
15	V B 0121	Phạm Ngọc Bảo	Châu	19/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Lịch sử	9.1	6.250	
16	V K 0123	Phan Hoàng Bảo	Châu	29/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Chư Prông	K	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3			7.000	KK Ngữ văn
17	V K 0125	Trần Ngọc Bảo	Châu	17/05/2010	Nữ	Kinh	Hải Dương	Võ Thị Sáu, Đắk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.4			4.500	
18	V A 0126	Lưu Mẫn	Chi	05/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Tiếng Anh	9.5	8.500	
19	V K 0128	Nguyễn Khánh	Chi	07/01/2010	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	Trung Vương, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1			7.750	
20	V D 0130	Nguyễn Võ Linh	Chi	09/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Địa lí	7.5	5.000	
21	V K 0145	Nguyễn Hoàng Như	Diễm	25/03/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	7.9			6.500	
22	V K 0147	Lê Nguyễn Phương	Dung	07/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.7			7.500	
23	L V 0162	Ngô Nguyễn Ánh	Dương	09/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	8.0	Ngữ văn	9.1	Vắng	
24	A V 0163	Ngô Thị Ánh	Dương	06/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, IaGra	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	9.0	5.500	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Khánh Tô Tuấn Khanh
 Nguyễn Hồng Vỹ
Lê Nguyễn Hoàng Hà
ĐDLC Phạm Văn Loan

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang
Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long
Nguyễn Văn Long

PHÒNG 12

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải thưởng
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	B V 0165	Nguyễn Thùy	Dương	15/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.6	Ngữ văn	9.0	6.000	
2	V K 0166	Nguyễn Thùy	Dương	23/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	K	T	T	Ngữ văn	8.6			4.750	
3	V B 0167	Võ Thị Ánh	Dương	17/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.6	Lịch sử	9.5	7.500	
4	V A 0168	Vũ Thái	Dương	21/11/2010	Nữ	Mường	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.0	Tiếng Anh	9.2	6.500	
5	A V 0169	Vũ Thùy	Dương	19/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	8.6	5.250	
6	V C 0174	Đinh Thị Khánh	Duyên	08/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	K	T	K	T	K	T	T	T	Ngữ văn	8.2	Tin học	8.7	4.750	
7	A V 0176	Phùng Mỹ	Duyên	05/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Ngữ văn	9.1	7.500	
8	A V 0180	Trần Nhã Linh	Đan	14/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.7	Ngữ văn	8.0	5.250	
9	V K 0182	Đặng Thế	Đạt	04/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	7.7			8.000	
10	V D 0190	Huỳnh Minh	Đặng	11/10/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Trưng Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Địa lí	9.5	6.500	
11	S V 0193	Nguyễn Hoàng Minh	Đặng	01/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	T	Sinh học	7.8	Ngữ văn	8.3	Vắng	
12	V B 0212	Đặng Châu	Giang	04/12/2010	Nữ	Hán	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3	Lịch sử	9.5	8.000	Nhì Ngữ văn
13	V K 0214	Hoàng Hương	Giang	11/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	T	T	K	T	Ngữ văn	7.5			5.250	
14	V D 0215	Lê Hương	Giang	01/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.7	Địa lí	9.4	6.250	
15	V L 0216	Mai Linh	Giang	08/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.0	Vật lí	8.2	5.250	
16	A V 0218	Nguyễn Thị	Giang	06/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	9.1	Ngữ văn	8.2	4.500	
17	V A 0220	Nguyễn Huyền	Giao	04/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Chư Pủr	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Tiếng Anh	9.0	7.250	
18	H V 0223	Hồ Châu Ngọc	Hà	13/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.5	Ngữ Văn	9.2	7.000	
19	V C 0226	Ngô Võ Khánh	Hà	07/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.0	Tin học	9.1	5.000	
20	V D 0227	Nguyễn Khánh	Hà	28/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.2	Địa lí	9.0	5.000	
21	V D 0238	Đào Thị Thanh	Hải	17/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.4	Địa lí	9.4	7.250	
22	V B 0241	Nguyễn Việt	Hàn	02/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Lịch sử	9.6	5.500	
23	V K 0243	Nguyễn Võ Trí	Hạnh	09/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0			7.000	
24	A V 0247	Đặng Lê Gia	Hán	20/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Ngữ văn	9.3	7.500	

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Thị Thi Giang

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Văn Long

Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN NGỮ VĂN (CHUYÊN)

PHÒNG 13

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tính
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	V K 0254	Lê Đặng Bảo	Hân	09/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.0			6.500	
2	A V 0255	Lê Gia	Hân	19/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	8.2	8.000	
3	C V 0257	Lê Ngọc Bảo	Hân	28/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.2	Ngữ Văn	8.2	3.250	
4	S V 0259	Ngô Thị Thảo	Hân	05/04/2010	Nữ	Kinh	Quảng Nam	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	K	T	T	T	Sinh học	8.5	Ngữ văn	8.1	4.500	
5	V D 0261	Nguyễn Khánh	Hân	02/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phan Bội Châu, Ipa	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.5	Địa lí	9.2	4.750	
6	A V 0262	Nguyễn Ngọc	Hân	29/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Ngữ văn	8.0	5.000	
7	V A 0264	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	22/09/2010	Nữ	Kinh	Đồng Nai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1	Tiếng Anh	9.6	8.500	
8	V K 0269	Nguyễn Võ Gia	Hân	21/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0			8.000	
9	S V 0273	Nguyễn Thị Nguyệt	Hằng	25/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	9.0	Ngữ văn	9.3	5.500	
10	S V 0274	Nguyễn Hoài Khánh	Hiền	24/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.7	Ngữ văn	8.0	3.750	
11	D V 0276	Phạm Dương Thảo	Hiền	18/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Địa lí	8.3	Ngữ văn	8.6	5.500	
12	V C 0277	Vũ Thị Thu	Hiền	07/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1	Tin học	9.4	8.000	
13	V B 0282	Hà Đỗ Trung	Hiếu	13/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Lịch sử	9.6	6.750	
14	V D 0287	Nguyễn Trần Phương	Hoa	29/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	T	Ngữ văn	8.0	Địa lí	9.0	7.000	
15	A V 0289	Cao Tiến	Hoàn	17/05/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Ngữ văn	9.0	7.500	Nhất Tiếng Anh
16	V D 0295	Nguyễn Kim	Hoàng	17/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1	Địa lí	9.0	7.000	
17	A V 0301	Giáp Hoàng	Hưng	01/07/2009	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Tiếng Anh	8.0	Ngữ văn	7.2	3.250	
18	V S 0313	Nguyễn Thị Mai	Hương	05/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.6	Sinh học	8.8	6.500	
19	V K 0331	Đinh Thị Diệu	Huyền	18/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.5			6.750	
20	A V 0335	Trần Diệu	Huyền	04/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	8.4	Ngữ văn	8.4	5.250	
21	V K 0338	Trịnh Thị Thanh	Huyền	21/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.7			6.000	
22	V C 0339	Vũ Ngọc	Huyền	24/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.5	Tin học	9.5	7.750	
23	A V 0340	Đỗ Mai	Ka	03/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Ngữ văn	8.8	5.250	
24	V K 0342	Đinh Tuệ	Kha	10/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Việt Xuân, Chư Prông	K	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1			5.750	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Khánh Tô Toàn Khanh
Nguyễn Hồng Vũ
Phạm Thị Thi Giang
Phạm Văn Loan

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN NGỮ VĂN (CHUYÊN)

PHÒNG 14

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	D V 0356	Nguyễn Đình Gia	Khang	05/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.2	Ngữ văn	7.8	5.000	
2	A V 0363	Phan Phú	Khang	03/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	APC Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	8.6	7.500	
3	A V 0370	Nguyễn Hà	Khanh	04/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Sao Việt, Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.7	Ngữ văn	8.0	Vắng	
4	D V 0380	Phạm Trường	Khánh	01/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.2	Ngữ văn	8.8	6.250	
5	A V 0391	Lâm Ngọc	Khuê	20/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	9.0	6.000	
6	V K 0403	Lê Huỳnh Thiên	Kim	23/04/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3			8.750	Nhất Ngữ văn
7	A V 0406	Trần Yến Quỳnh	Lam	21/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, IaGrai	K	T	K	T	K	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	8.8	5.750	
8	V B 0411	Trần Khánh	Lâm	14/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	K	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Lịch sử	8.6	6.750	
9	V D 0417	Biện Huỳnh Gia	Lệ	12/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3	Địa lí	9.5	7.000	
10	V D 0419	Đặng Ngọc Thùy	Linh	31/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	K	T	T	T	K	T	Ngữ văn	7.2	Địa lí	7.9	6.250	
11	V K 0422	Đinh Nguyễn Hà	Linh	25/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	7.8			5.750	
12	V B 0425	Hứa Mỹ	Linh	02/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1	Lịch sử	8.8	5.500	
13	H V 0427	Lê Đỗ Ngọc	Linh	30/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.8	Ngữ Văn	9.2	7.500	
14	A V 0429	Mã Thị Thùy	Linh	30/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	8.7	6.000	
15	V D 0430	Mai Trúc	Linh	30/12/2009	Nữ	Jrai	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	K	T	K	T	Ngữ văn	8.7	Địa lí	9.8	5.000	
16	B V 0433	Nguyễn Hoàng Gia	Linh	23/05/2010	Nữ	Kinh	Đắk Lắk	Lê Văn Tám, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.7	Ngữ văn	8.8	2.500	
17	D V 0438	Nguyễn Trần Khánh	Linh	01/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	8.8	Ngữ văn	8.2	5.500	
18	V B 0441	Phạm Nguyễn Diệu	Linh	06/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1	Lịch sử	9.2	7.750	
19	V K 0442	Phạm Thùy	Linh	02/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0			8.000	
20	A V 0443	Phan Hoàng Gia	Linh	02/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	7.3	5.250	
21	V K 0444	Trần Gia	Linh	30/12/2010	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Ngữ văn	9.3			6.500	
22	V K 0446	Trần Lê Thùy	Linh	27/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.4			8.000	

(Danh sách này gồm 22 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Khang Tô Tuyền Khanh
Nguyễn Hồng Vũ
Phạm Trường Khánh
Phan Yến Loan

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang
Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long
Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN NGỮ VĂN (CHUYÊN)

PHÒNG 15

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	V K 0465	Cao Thị Khánh	Ly	14/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC, Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1			5.500	
2	A V 0466	Nguyễn Thị Quỳnh	Ly	23/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	9.4	6.750	
3	A V 0468	Phan Nguyễn Khánh	Ly	05/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Lợi, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.6	Ngữ văn	8.1	3.500	
4	V B 0470	Lê Nguyễn Thanh	Mai	04/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.9	Lịch sử	9.2	6.500	
5	V K 0471	Nguyễn Thị Sương	Mai	08/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.5			7.500	Nhi Ngữ văn
6	V K 0473	Phan Thị Hồng	Mai	02/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.3			7.250	
7	V B 0478	Phạm Thanh	Mây	01/01/2010	Nữ	Kinh	Đăk Lăk	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.4	Lịch sử	9.4	6.500	
8	V D 0493	Trần Khải	Minh	05/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1	Địa lí	9.5	6.500	
9	V K 0495	Trần Nguyệt	Minh	28/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.5			5.750	
10	V D 0499	Bùi Phan Hoàng	My	08/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	K	T	K	T	Ngữ văn	8.4	Địa lí	8.6	6.750	
11	V K 0503	Lê Ngọc Khánh	My	20/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Ngữ văn	7.9			5.500	
12	V K 0506	Nguyễn Huyền Thảo	My	05/06/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Chu Văn An, Mang Yang	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1			6.750	
13	B V 0509	Tô Thị Thảo	My	13/10/2010	Nữ	Kinh	Đăk Nông	Phạm Hồng Thái, Iagrai	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.2	Ngữ văn	8.7	4.000	
14	A V 0510	Trần Hà	My	05/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	9.1	6.750	
15	A V 0512	Trần Phan Thảo	My	14/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	9.2	7.000	
16	V D 0513	Trần Võ Trà	My	30/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.7	Địa lí	9.4	6.500	
17	D V 0516	Vũ Quỳnh	My	05/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	T	Địa lí	8.8	Ngữ văn	8.2	6.750	
18	A V 0520	Ngô Nhã	Nam	09/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Ngữ văn	8.9	6.250	
19	V C 0525	Dương Kiều	Nga	29/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.7	Tin học	8.6	8.250	
20	A V 0526	Đào Khánh	Ngân	04/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	9.1	8.000	
21	A V 0527	Đỗ Kiều	Ngân	07/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	K	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	8.4	Ngữ văn	7.2	4.750	
22	A V 0529	Hoàng Ngọc Bảo	Ngân	31/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	9.3	6.750	

(Danh sách này gồm 22 thí sinh đăng kí dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Khánh Tô Thanh Khanh
 Nguyễn Hồng Vũ
Đỗ Kiều Kiều
Đỗ Phan Văn Loan

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang
Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long
Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN NGỮ VĂN (CHUYÊN)

PHÒNG 16

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	V K 0530	Lê Hạnh	Ngân	20/11/2010	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Ngữ văn	8.7			4.750	
2	V K 0536	Nguyễn Thị Minh	Ngân	23/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ialy, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1			7.500	Ba Ngữ văn
3	V D 0537	Phan Trần Thu	Ngân	31/01/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Địa lí	8.5	6.750	
4	V L 0540	Vũ Thị Hoàng	Ngân	26/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3	Vật lí	7.6	5.000	
5	A V 0541	Lê Hoàng Phương	Nghi	28/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	7.7	4.500	
6	V K 0547	Hồ Ánh	Ngọc	22/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.6			7.250	
7	A V 0548	Hồ Bảo	Ngọc	28/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	8.7	7.500	Ba Tiếng Anh
8	V C 0549	Lê Bảo	Ngọc	22/08/2010	Nữ	Kinh	Nghệ An	Hùng Vương, Ia Grai	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Tin học	9.2	6.000	Ba Ngữ văn
9	V K 0553	Nguyễn Đỗ Châu Yến	Ngọc	03/12/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1			8.250	
10	V A 0554	Nguyễn Hồ Bảo	Ngọc	10/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.9	Tiếng Anh	9.0	7.750	
11	A V 0555	Nguyễn Như	Ngọc	02/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	7.7	5.250	
12	S V 0580	Nguyễn Minh	Nguyên	11/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	T	T	Sinh học	8.8	Ngữ văn	8.1	5.500	
13	V K 0582	Nguyễn Thảo	Nguyên	12/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, Ia Grai	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1			7.500	
14	V C 0613	Ngô Đặng Mai	Nhi	12/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Huỳnh Thúc Kháng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3	Tin học	8.6	5.000	
15	V K 0616	Nguyễn Ngọc Băng	Nhi	15/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.7			6.250	Nhi Ngữ văn
16	V K 0617	Nguyễn Ngọc Gia	Nhi	15/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.5			8.000	
17	S V 0620	Nguyễn Phương	Nhi	09/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nghĩa Hưng, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	9.4	Ngữ văn	8.1	4.250	
18	V K 0624	Nguyễn Uyên	Nhi	15/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.3			7.000	
19	V K 0630	Trần Nguyễn Thảo	Nhi	25/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.2			7.750	
20	V K 0631	Trần Nguyên Ý	Nhi	05/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.5			6.000	
21	V K 0634	Nguyễn Thụy	Nhiên	21/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3			6.000	
22	L V 0638	Lê Bình Bảo	Như	17/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	8.5	Ngữ văn	9.1	5.500	

(Danh sách này gồm 22 thí sinh đăng kí dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Khánh Tô Tâm Khanh
Nguyễn Hồng Vũ
Phan Xuân Loan

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN NGỮ VĂN (CHUYÊN)

PHÒNG 17

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	V A 0639	Lê Nguyễn Quỳnh	Như	02/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Tiếng Anh	9.8	7.750	
2	V D 0642	Nguyễn Lâm Quỳnh	Như	22/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	7.8	Địa lí	8.9	6.500	
3	A V 0643	Nguyễn Quỳnh	Như	24/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	7.6	6.000	
4	V C 0646	Phạm Nguyễn Quỳnh	Như	27/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.5	Tin học	8.7	8.000	
5	V K 0647	Phạm Trần Quỳnh	Như	22/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.9			6.500	
6	A V 0650	Thân Phan Quỳnh	Như	31/01/2010	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	8.0	6.000	
7	V D 0652	Võ Quỳnh	Như	04/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	K	T	T	K	T	Ngữ văn	8.1	Địa lí	8.8	4.750	
8	V B 0659	Ngô Lê Gia	Phát	30/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Ngữ văn	7.1	Lịch sử	8.9	6.000	
9	A V 0673	Đỗ Hoàng	Phúc	22/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	8.8	6.500	
10	C V 0677	Thiều Tấn	Phúc	08/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Tin học	8.7	Ngữ Văn	8.9	6.000	
11	A V 0684	Nguyễn Phương	Phương	29/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	8.0	4.750	
12	V K 0686	Nguyễn Thị Minh	Phương	17/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.2			7.750	KK Ngữ văn
13	A V 0690	Trần Ngọc Hiếu	Phương	24/04/2010	Nữ	Kinh	Đà Nẵng	Nguyễn Bình Khiêm, Kbang	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	9.7	7.500	KK Tiếng Anh
14	D V 0691	Vũ Lê Hoàng	Phương	13/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.6	Ngữ văn	8.5	7.250	
15	S V 0696	Nguyễn Bảo	Quân	23/09/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Sinh học	7.8	Ngữ văn	7.1	2.750	
16	S V 0707	Lê Hoàng	Quyên	12/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.5	Ngữ văn	8.0	4.500	
17	V D 0708	Mai Hoàng Ái	Quyên	24/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Ngữ văn	7.3	Địa lí	8.9	4.500	
18	A V 0710	Trần Ngô Thục	Quyên	29/01/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Sao Việt, Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	9.0	6.000	
19	V B 0712	Ngô Ngọc	Quỳnh	21/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3	Lịch sử	9.3	7.000	
20	D V 0713	Nguyễn Như	Quỳnh	30/08/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	8.7	Ngữ văn	8.7	4.500	
21	A V 0715	Phạm Ngọc	Quỳnh	02/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	8.7	5.250	
22	V S 0716	Phan Như	Quỳnh	25/03/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.0	Sinh học	7.7	4.500	

(Danh sách này gồm 22 thí sinh đăng kí dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Khánh Tô Tuấn Khanh
Nguyễn Hồng Vũ
Lê Lê Trần Ngọc Lan
Đinh Phan Văn Loan

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN NGỮ VĂN (CHUYÊN)

PHÒNG 18

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tính
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	A V 0717	Văn Thị Khánh	Quỳnh	07/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	8.3	5.000	
2	B V 0725	Nguyễn Trí	Tài	14/05/2010	Nam	Kinh	Đồng Nai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.5	Ngữ văn	8.8	7.000	
3	V A 0741	Nguyễn Ngọc Đan	Thanh	08/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.5	Tiếng Anh	8.6	6.500	
4	V K 0742	Trần Phương	Thanh	13/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	K	T	K	T	K	T	T	T	Ngữ văn	8.0			5.750	
5	V D 0743	Trần Thị Ngọc	Thanh	10/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Địa lí	9.7	6.500	Ba Địa lí
6	A V 0749	Chu Lê Phương	Thảo	25/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Ngữ văn	9.0	7.250	
7	V A 0755	Phan Hoàng Bảo	Thị	13/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	IaNhin, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3	Tiếng Anh	8.3	6.250	
8	V K 0765	Đỗ Lê Anh	Thư	04/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.7			6.250	
9	A V 0770	Nguyễn Đức	Thư	05/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	7.8	7.250	
10	V K 0771	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	09/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.6			7.250	
11	S V 0772	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	31/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.4	Ngữ văn	8.2	4.000	
12	A V 0774	Trần Anh	Thư	03/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	8.2	5.750	
13	V D 0776	Võ Ngọc Minh	Thư	10/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Địa lí	9.4	8.000	
14	V K 0777	Vũ Ngọc Anh	Thư	12/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.7			5.250	
15	V B 0779	Đỗ Hoài	Thương	08/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An, Chư Prông	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.2	Lịch sử	9.5	8.500	
16	V B 0781	Mai Hà	Thương	02/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.9	Lịch sử	9.1	7.500	
17	V D 0783	Hoàng Thị Phương	Thúy	18/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Địa lí	9.6	7.000	
18	V B 0784	Nguyễn Phương	Thúy	19/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.6	Lịch sử	9.3	8.250	
19	A V 0789	Ksor Bùi Khánh	Thy	31/10/2010	Nữ	Jarai	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	8.2	4.000	
20	V D 0791	Trương Nguyễn Bảo	Thy	15/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Địa lí	9.4	8.500	
21	V K 0794	Dương Ngọc Thủy	Tiên	04/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	7.2			7.500	
22	C V 0797	Mai Thủy	Tiên	17/05/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.3	Ngữ Văn	8.5	3.250	

(Danh sách này gồm 22 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Khánh Tô Tuyền Khánh
Nguyễn Hồng Vỹ
Lê Thị Ngọc Huyền
Đàm Xuân Loan

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN NGỮ VĂN (CHUYÊN)

PHÒNG 19

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	V B 0798	Nguyễn Lưu Cát	Tiên	07/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.3	Lịch sử	9.6	7.500	
2	V C 0801	Đinh Thị Hồng	Tiến	27/08/2010	Nữ	Kinh	Đà Nẵng	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.1	Tin học	9.1	6.750	
3	B V 0810	Đặng Xuân	Toàn	26/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.8	Ngữ văn	9.0	7.750	Nhì Lịch sử
4	C V 0816	Dương Trần Thùy	Trâm	26/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	T	Tin học	8.9	Ngữ Văn	8.7	3.500	
5	A V 0819	Nguyễn Ngọc	Trâm	13/04/2010	Nữ	Kinh	Quảng Nam	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	9.0	Vắng	
6	V K 0820	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	24/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ialy, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.4			6.750	Ba Ngữ văn
7	V D 0821	Tô Huỳnh Bảo	Trâm	12/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	K	T	T	T	Ngữ văn	8.1	Địa lí	8.3	4.750	
8	V K 0822	Trần Bích	Trâm	20/08/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0			6.750	
9	A V 0823	Trần Huỳnh Ngọc	Trâm	25/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Ngữ văn	8.9	8.750	
10	V K 0824	Trần Lê Ngọc	Trâm	02/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	K	T	T	T	K	T	Ngữ văn	7.4			5.000	
11	V K 0825	Trần Thị Bích	Trâm	31/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.6			7.000	Ba Ngữ văn
12	V K 0826	Võ Hà Bảo	Trâm	26/05/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.2			8.500	
13	V K 0828	Lê Mỹ	Trân	22/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	T	Ngữ văn	8.1			6.250	
14	V K 0830	Nguyễn Bảo Ngọc Quỳnh	Trân	09/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	K	T	T	T	K	T	Ngữ văn	8.5			7.000	
15	V B 0834	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	05/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Lịch sử	7.9	5.500	
16	A V 0835	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	15/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	8.0	3.750	
17	V A 0836	Phan Nguyễn Huyền	Trân	19/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.1	Tiếng Anh	9.1	6.500	
18	V K 0844	Vũ Thùy	Trang	31/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	K	T	T	T	K	T	Ngữ văn	7.1			6.000	
19	B V 0852	Huỳnh Thùy	Trúc	01/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.1	Ngữ văn	7.7	7.750	
20	V S 0857	Võ Minh	Trung	01/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	T	T	Ngữ văn	8.0	Sinh học	7.9	4.250	
21	V K 0868	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	03/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An, Chư prông	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.4			7.000	
22	B V 0870	Võ Ngô Thanh	Tuyền	19/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.8	Ngữ văn	9.2	7.000	Ba Lịch sử

(Danh sách này gồm 22 thí sinh đăng kí dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Khách Tô Trọng Khanh
Nguyễn Hồng Vũ
Khách Tô Trọng Khanh
Khách Phan Xuân Loan

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang
Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long
Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN NGỮ VĂN (CHUYÊN)

PHÒNG 20

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	A V 0871	Nguyễn Phước Ánh	Tuyết	14/12/2010	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	8.0	5.750	
2	V K 0874	Bùi Dương Tú	Uyên	04/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3			5.500	
3	A V 0876	Đào Ngọc Phương	Uyên	23/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	7.9	5.250	
4	V B 0879	Huỳnh Thị Thảo	Uyên	28/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Lịch sử	8.9	7.000	
5	V D 0880	Lưu Nhã	Uyên	06/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đắk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.4	Địa lí	9.4	7.500	
6	V A 0882	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	01/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.2	Tiếng Anh	8.9	8.250	
7	V K 0883	Nguyễn Phương	Uyên	27/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.6			7.500	Ba Ngữ văn
8	V D 0888	Vũ Khả	Uyên	11/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Địa lí	9.2	8.500	
9	V A 0889	Nguyễn Hà	Vân	20/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.2	Tiếng Anh	9.8	8.250	KK Ngữ văn
10	V B 0890	Tạ Thị Yến	Vân	26/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Lịch sử	8.3	5.500	
11	V D 0891	Mã Thị Thảo	Vi	08/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.1	Địa lí	9.0	5.250	
12	A V 0897	Lưu Thảo	Vinh	25/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	8.7	6.750	
13	A V 0908	Hồ Phương	Vy	23/02/2010	Nữ	Kinh	Đắk Lắk	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	8.6	4.750	
14	V D 0909	Lê Nguyễn Nhật	Vy	16/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.4	Địa lí	8.7	6.000	
15	V L 0912	Nguyễn Lý Bảo	Vy	03/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	K	T	T	T	T	Ngữ văn	8.5	Vật lí	7.7	4.750	
16	V D 0913	Nguyễn Thảo	Vy	01/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Ngữ văn	7.9	Địa lí	8.9	4.250	
17	A V 0915	Nguyễn Tường	Vy	02/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.0	Ngữ văn	8.3	7.500	
18	V K 0916	Phan Khánh	Vy	24/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3			7.750	
19	V B 0917	Trần Nguyễn Minh	Vy	03/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Ngữ văn	7.6	Lịch sử	8.2	5.500	
20	V K 0920	Nguyễn Thanh Thiện	Ý	26/03/2010	Nữ	Kinh	Đà Nẵng	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	K	T	K	T	Ngữ văn	8.1			6.500	
21	V K 0926	Lê Thị Hải	Yến	25/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Huỳnh Thúc Kháng, Chư Sê	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8			6.000	
22	A V 0927	Nguyễn Hải	Yến	16/03/2010	Nữ	Kinh	Hải Dương	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.1	Ngữ văn	8.8	6.000	

(Danh sách này gồm 22 thí sinh đăng kí dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Khánh Tô Toi
Nguyễn Hồng Vũ

Phan Văn Long
Phan Văn Long

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long

